

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

**Đại học Ngoại Ngữ**

-----

# **ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

**Môn: Tiếng Anh Xã Hội Nhân Văn 1**

**Mã số: FLF1155**

**Đơn vị thực hiện: Khoa Tiếng Anh**

**Hà Nội, 2019**

# **ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

## **TIẾNG ANH XÃ HỘI NHÂN VĂN 1, MÃ SỐ FLF1155**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐT ngày tháng năm 201  
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

### **1. Thông tin về giảng viên**

Giảng viên Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

### **2. Thông tin chung về môn học**

- Tên môn học: **Tiếng Anh Xã hội nhân văn 1**
- Mã môn học: **FLF1155**
- Số tín chỉ: **4**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập: 60 giờ tín chỉ trên lớp, 60 giờ tự học
  - + *Lí thuyết*: 26
  - + *Thực hành*: 27
  - + *Ôn tập, kiểm tra tiến bộ*: 07
  - + *Tự học*: 60
- Môn học: **Bắt buộc**
- Địa chỉ khoa phụ trách môn học: Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

### **3. Mục tiêu môn học**

#### **3.1. Mục tiêu chung**

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể:*

- **Nắm được** lượng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp căn bản thuộc các chủ đề quen thuộc như gia đình, các mối quan hệ cá nhân, nơi ở, giải trí, thể thao, các sự kiện trong cuộc sống,...; **nắm được** các từ vựng cơ bản về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành XHNV như lịch sử, văn hoá, tâm lý, công tác xã hội, giáo dục, kinh tế, truyền thông ...
- **Phát triển đồng đều** các kỹ năng ngôn ngữ với trình độ tương đương bậc hai theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

#### **3.2. Mục tiêu cụ thể**

##### **3.2.1. Về kiến thức ngôn ngữ**

## **Ngữ âm**

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể:*

- Phát âm các từ và cụm từ tương đối rõ ràng dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ;
- Trao đổi thông tin ở mức độ đơn giản nhưng thường cần gợi ý để có thể trình bày quan điểm một cách mạch lạc.

## **Ngữ pháp**

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể:*

- Có vốn kiến thức cơ bản về các cách diễn đạt trong những tình huống giao tiếp hàng ngày như các mối quan hệ cá nhân, nơi ở, giải trí, thể thao, các sự kiện trong cuộc sống,...;
- Sử dụng được các cấu trúc câu cơ bản trong đó có các cụm cố định, các cách diễn đạt theo công thức dù vẫn mắc nhiều lỗi ngữ pháp.

## **Từ vựng**

*Kết thúc môn học, sinh viên tích lũy được lượng từ vựng và cấu trúc gần tương đương bậc 2 theo khung năng lực 6 bậc VSTEP của Việt Nam để có đủ vốn từ thực hiện những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc như gia đình, các mối quan hệ cá nhân, nơi ở, giải trí, thể thao, các sự kiện trong cuộc sống,...*

### **3.2.2. Về các kỹ năng ngôn ngữ**

#### **Kỹ năng Đọc**

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể nắm được các kỹ năng đọc cơ bản để đáp ứng đọc hiểu các bài đọc có độ dài và độ khó gần tương đương bậc 2 theo khung năng lực 6 bậc VSTEP của Việt Nam, cụ thể là:*

- Hiểu những văn bản ngắn, đơn giản về những chủ đề quen thuộc cụ thể được diễn đạt bằng ngôn ngữ gần gũi hàng ngày hoặc những từ vựng xuất hiện với tần suất cao;
- Phát triển kỹ năng đọc như: đọc tìm kiếm thông tin cụ thể và dễ nhận biết từ những tài liệu đơn giản hàng ngày như quảng cáo, thực đơn, lịch trình, danh sách ...; đọc hiểu những biển chỉ dẫn và thông báo hàng ngày ở nơi công cộng, như trên đường phố, nhà hàng, nhà ga, nơi làm việc, biển chỉ đường, thông báo,...

#### **Kỹ năng Nghe**

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể nắm được các kỹ năng nghe cơ bản để đáp ứng nghe hiểu các bài nghe có độ dài và độ khó gần tương đương với bậc 2 theo khung năng lực 6 bậc VSTEP của Việt Nam, cụ thể là:*

- Nghe những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến cuộc sống hàng ngày (thông tin cá nhân, gia đình, học hành, công việc, giải trí, thể thao,...) khi người nói nói rõ ràng và chậm rãi;
- Hiểu chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách rõ ràng, chậm rãi;
- Hiểu và nhận biết được một số thông tin đơn giản trình bày trên đài/TV khi những thông tin đó liên quan đến những chủ đề gần gũi hàng ngày.

### **Kỹ năng Nói**

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể:*

- Giao tiếp (bao gồm hỏi, trả lời và trao đổi ý kiến) một cách tương đối dễ dàng trong những tình huống cố định như giao tiếp cá nhân, mua bán hàng hóa và dịch vụ, tìm thông tin về du lịch, sử dụng các phương tiện công cộng ...;
- Thực hiện những đoạn hội thoại ngắn, các giao tiếp đơn giản có trợ giúp của người khác như miêu tả, kể chuyện, thông báo,... với các chủ đề gần gũi trong cuộc sống;
- Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu, cảm ơn, xin lỗi ...;
- Miêu tả cảm xúc và thái độ một cách đơn giản cũng như thể hiện sự đồng tình hay phản đối ý kiến của người khác;
- Hiểu và tham gia thảo luận, làm việc nhóm theo hoạt động nói đơn giản như: hẹn gặp, lên kế hoạch, đưa ra gợi ý, đưa ra lời khuyên,...;
- Trình bày một bài nói ngắn theo chủ đề được gợi ý chi tiết về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, biết đưa ra lý do và có thể trả lời một số các câu hỏi đơn giản.

### **Kỹ năng Viết**

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể:*

- Viết thư cá nhân đơn giản để hỏi thăm tình hình sức khỏe, thông báo hay kể về một sự việc nào đó thường gặp;

- Viết các tin nhắn đơn giản;
- Viết câu đơn hoặc các câu ghép sử dụng từ, cụm từ và các từ nối thường gặp như “and”, “but” và “because”;
- Viết về những chủ đề quen thuộc gần gũi như tả người, nơi chốn, công việc, kỳ nghỉ hay kinh nghiệm học tập,...

### **Kỹ năng Dịch**

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể:*

- Dịch các câu ngắn (Anh – Việt và Việt – Anh) về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành XHNV như lịch sử, văn hoá, tâm lý, công tác xã hội, giáo dục, kinh tế, truyền thông ...

### **3.2.3. Các nhóm kỹ năng khác**

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể:*

- Có khái niệm và bắt đầu quen dần với cách làm việc theo nhóm;
- Tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng internet để phục vụ cho môn học;
- Hình thành một số kỹ năng học tiếng Anh có hiệu quả;
- Nắm được dạng thức đề thi giữa kỳ và hết môn, và biết cách làm các dạng bài quy định trong đề thi.

### **3.3. Mục tiêu về thái độ**

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể:*

- Nhận thức được tầm quan trọng của môn học;
- Phát huy tinh thần tự học thông qua các trang mạng học tập, nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm tài liệu trên mạng Internet,...;
- Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà;
- Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp;
- Chia sẻ thông tin với bạn bè và giảng viên;
- Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình;
- Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn;
- Trung thực trong thi cử.

### **4. Tóm tắt nội dung môn học**

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

- Các vấn đề ngữ pháp, từ vựng và ngữ âm tiếng Anh cơ bản tương đương bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày như gia đình, các mối quan hệ cá nhân, nơi ở, giải trí, thể thao, các sự kiện trong cuộc sống,...;
- Cách phát âm các âm, các từ đơn âm và đa âm tiết trong tiếng Anh;
- Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ tiên trung cấp.

## 5. Nội dung chi tiết môn học

Nội dung	Các tiểu mục
<b>Nhập môn</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu chương trình học của giai đoạn: mục tiêu, giáo trình, kiểm tra, đánh giá môn học.</li> <li>- Định hướng phương pháp học môn Tiếng Anh XHNV 1</li> <li>- Hướng dẫn tự học.</li> </ul>
<b>Nội dung 1: Life</b>	<p><b>Kỹ năng ngôn ngữ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe: nghe lấy thông tin chung; nghe hiểu các từ liên quan đến giới thiệu bản thân.</li> <li>- Nói: hỏi đáp về chủ đề kỳ nghỉ và ngày cuối tuần, hỏi đáp các thông tin cá nhân</li> <li>- Đọc: đọc và tìm thông tin chi tiết về chủ đề bí quyết của hạnh phúc</li> <li>- Viết: viết về một năm quan trọng trong cuộc đời của mình, luyện tập cách sử dụng các từ nối.</li> </ul> <p><b>Kiến thức ngôn ngữ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngữ pháp: trật tự từ trong câu hỏi, các dạng câu hỏi</li> <li>- Từ vựng: các từ và cụm từ chỉ hoạt động trong thời gian rảnh rỗi</li> <li>- Phát âm: trọng âm của từ</li> </ul> <p><b>Kiến thức chuyên ngành:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc và dịch về chủ đề tâm lý học</li> </ul>
<b>Nội dung 2: Life (tiếp)</b>	<p><b>Kỹ năng ngôn ngữ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe: nghe thông tin chi tiết; nghe và trả lời câu hỏi.</li> <li>- Nói: Kể về những người quan trọng trong cuộc sống của mình</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết: Miêu tả người bạn thân nhất.</li> </ul> <p><b>Kiến thức ngôn ngữ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngữ pháp: thì quá khứ đơn</li> <li>- Từ vựng: chủ đề về các mối quan hệ</li> <li>- Phát âm: phát âm các động từ theo qui tắc và bất qui tắc trong quá khứ, nói âm</li> </ul> <p><b>Kiến thức chuyên ngành:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ đề lịch sử</li> </ul>
<p><b>Nội dung 3:</b></p> <p><b>Work</b></p>	<p><b>Kĩ năng ngôn ngữ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe: nghe hiểu thông tin chi tiết, nghe các cuộc phỏng vấn xin việc</li> <li>- Nói: nói về các động lực để làm tốt công việc; miêu tả các công việc nguy hiểm, rủi ro.</li> <li>- Đọc: đọc tìm ý chính; đọc tìm thông tin chi tiết về chủ đề các công việc nguy hiểm</li> <li>- Viết: Viết email mô tả kinh nghiệm làm việc</li> </ul> <p><b>Kiến thức ngôn ngữ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngữ pháp: phân biệt hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn; trạng từ tần suất</li> <li>- Từ vựng: chủ đề về công việc</li> <li>- Phát âm: trọng âm của từ</li> </ul> <p><b>Kiến thức chuyên ngành:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ đề kinh tế học</li> </ul>
<p><b>Nội dung 4:</b></p> <p><b>Work (tiếp)</b></p>	<p><b>Kĩ năng ngôn ngữ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe: nghe hiểu thông tin chi tiết về chủ đề công việc</li> <li>- Nói: miêu tả một công việc mơ ước; nói về cách cân bằng giữa cuộc sống và công việc</li> <li>- Đọc: đọc nhanh lấy ý chính, đọc xác định thông tin chi tiết.</li> <li>- Viết: Viết bình luận trên trang web</li> </ul> <p><b>Kiến thức ngôn ngữ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngữ pháp: cách sử dụng các cấu trúc để nói về sở thích</li> <li>- Từ vựng: các loại công việc</li> <li>- Phát âm: ngữ điệu trong câu</li> </ul>

	<p><b>Kiến thức chuyên ngành:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ đề thành thị hoá</li> </ul>
<p><b>Nội dung 5:</b></p> <p><b>Time out</b></p>	<p><b>Kĩ năng ngôn ngữ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe: nghe hiểu thông tin chi tiết.</li> <li>- Nói: Nói về kế hoạch trong tương lai; miêu tả về các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi.</li> <li>- Đọc: đọc lướt tìm ý; đọc hiểu chi tiết và điền các thông tin vào chỗ trống.</li> <li>- Viết: Viết thư mời</li> </ul> <p><b>Kiến thức ngôn ngữ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngữ pháp: Thì hiện tại tiếp diễn/ cấu trúc <i>be going to</i></li> <li>- Từ vựng: về sở thích, hoạt động trong lúc rảnh rỗi</li> <li>- Phát âm: trọng âm của danh từ ghép</li> </ul> <p><b>Kiến thức chuyên ngành:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc và dịch về chủ đề truyền thông</li> </ul>
<p><b>Nội dung 6:</b></p> <p><b>Time out</b></p>	<p><b>Kĩ năng ngôn ngữ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe: nghe hiểu thông tin chi tiết.</li> <li>- Nói: cách hỏi và trả lời qua điện thoại</li> <li>- Đọc: đọc lấy thông tin chi tiết.</li> <li>- Viết: Viết thư mời bạn đi chơi</li> </ul> <p><b>Kiến thức ngôn ngữ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngữ pháp: Câu hỏi</li> <li>- Từ vựng: các cụm từ cố định</li> <li>- Phát âm: cách phát âm nối âm</li> </ul> <p><b>Kiến thức chuyên ngành:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc và dịch về chủ đề giáo dục</li> </ul>
<p><b>Nội dung 7:</b></p> <p><b>Great minds</b></p>	<p><b>Kĩ năng ngôn ngữ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe: nghe hiểu ý chính, nghe thông tin chi tiết, nghe và điền vào chỗ trống</li> <li>- Nói: Nói về năng khiếu, nói về các quy tắc trong trường học.</li> <li>- Đọc: đọc lấy ý chính.</li> </ul>



	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết: Nhận diện và sửa lỗi sai trong bài viết</li> </ul> <p><b>Kiến thức ngôn ngữ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ vựng: chủ đề giáo dục, các cụm từ với “do” và “make”</li> <li>- Ngữ pháp: động từ khuyết thiếu <i>can, have to, must</i></li> <li>- Phát âm: cách phát âm một số giới từ quen thuộc.</li> </ul> <p><b>Kiến thức chuyên ngành:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc và dịch về chủ đề giáo dục</li> </ul>
<b>Định hướng kỹ năng làm kiểm tra</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu bài kiểm tra số 1 và số 2.</li> <li>- Luyện tập từng dạng bài, rút ra cách làm bài kiểm tra đạt kết quả cao.</li> <li>- Kỹ năng tự luyện tập và khai thác thông tin.</li> </ul>
<b>Nội dung 8: Great minds (tiếp)</b>	<p><b>Kỹ năng ngôn ngữ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe: nghe hiểu thông tin chi tiết, nghe hiểu tìm ý chính.</li> <li>- Nói: thảo luận và đưa ra lời khuyên cho người học ngôn ngữ</li> <li>- Đọc: đọc hiểu tìm thông tin chi tiết; đọc và trả lời các phản hồi trên trang web</li> <li>- Viết: viết thảo luận trên diễn đàn</li> </ul> <p><b>Kiến thức ngôn ngữ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngữ pháp: động từ khuyết thiếu đưa ra lời khuyên</li> <li>- Từ vựng: từ vựng về học ngôn ngữ</li> <li>- Phát âm: âm câm</li> </ul> <p><b>Kiến thức chuyên ngành:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc và dịch về chủ đề văn hoá</li> </ul>
<b>Nội dung 9: Travel</b>	<p><b>Kỹ năng ngôn ngữ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe: nghe hiểu thông tin chi tiết, nghe hiểu tìm ý chính.</li> <li>- Nói: thảo luận về chủ đề du lịch</li> <li>- Đọc: đọc hiểu tìm thông tin chi tiết; xác định câu đúng/ sai, tìm ý chính.</li> <li>- Viết: viết thư miêu tả một chuyến đi</li> </ul> <p><b>Kiến thức ngôn ngữ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngữ pháp: quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn; hình thái của động từ</li> <li>- Từ vựng: từ vựng về giao thông, đồ đạc khi đi du lịch</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm: trọng âm và nuốt âm</li> </ul> <p><b>Kiến thức chuyên ngành:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc và dịch về chủ đề văn hoá</li> </ul>
<b>Nội dung 10:</b> <b>Luyện tập kiểm tra kỹ năng nói</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luyện tập từng dạng bài, rút ra cách làm bài kiểm tra đạt kết quả cao.</li> <li>- Luyện tập các chủ đề thường gặp trong bài kiểm tra nói</li> </ul>
<b>Nội dung 11:</b> <b>Travel</b>	<p><b>Kỹ năng ngôn ngữ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe: nghe thông tin chi tiết; điền thông tin vào chỗ trống.</li> <li>- Nói: Hỏi đường và chỉ đường</li> <li>- Đọc: đọc hiểu tìm ý chính, đọc kỹ tìm thông tin chi tiết.</li> <li>- Viết: viết thư</li> </ul> <p><b>Kiến thức ngôn ngữ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngữ pháp: các cấu trúc hỏi và chỉ đường</li> <li>- Từ vựng: chủ đề du lịch</li> <li>- Phát âm: ngữ điệu trong câu hỏi</li> </ul>
<b>Ôn tập</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống toàn bộ kiến thức đã học.</li> <li>- Làm bài thi mẫu, ôn tập các dạng bài theo định dạng bài thi.</li> <li>- Lưu ý các kỹ năng làm bài thi.</li> </ul>

## 6. Học liệu

### 6.1. Học liệu bắt buộc

*Speak out, pre-intermediate, Student's book, 2<sup>nd</sup> edition, Antonia Clare, JJ Wilson (bài 1-5)*

*Speak out, pre-intermediate, Workbook, 2<sup>nd</sup> edition, Antonia Clare, JJ Wilson (bài 1-5)*

### 6.2. Học liệu tham khảo

*English for Social sciences and Humanities (ESSH) (Compiled)*

Websites:

- <http://www.britishcouncil.org/learning>
- <http://esl.about.com/>

- [www.english-at-home.com](http://www.english-at-home.com)
- [www.tolearnenglish.com](http://www.tolearnenglish.com)

### 7. Hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức môn học		
	Lí thuyết	Thực hành	Tự học
Nhập môn	2	1	0
Nội dung 1	1	1	0.5
Nội dung 2	1	1	0.5
Nội dung 3	1	1	0.5
Nội dung 4	1	1	0.5
Nội dung 5	2	2	0.5
Nội dung 6	2	2	0.5
Định hướng kĩ năng làm bài thi	2	2	0.5
Nội dung 7	2	2	0.5
Nội dung 8	2	2	0.5
Nội dung 9	2	2	0.5
Nội dung 10	2	2	0.5
Nội dung 11	2	0	0
Ôn tập	3	5	0.5
Kiểm tra	0	5	0
Tổng số	25	29	06

### 8. Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác

Sinh viên cần:

- thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của môn học được ghi trong đề cương môn học;
- tham dự đầy đủ các buổi học và bài kiểm tra tiến độ số 1 và bài kiểm tra tiến độ số 2; nếu sinh viên nghỉ quá 20% số buổi học sẽ không được phép tham dự bài kiểm tra kết thúc học phần;
- nộp các bài thực hành viết cho giảng viên một tuần sau khi sinh viên được giao bài;
- chuẩn bị bài trước khi đến lớp và làm bài tập về nhà theo hướng dẫn.

### 9. Phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả môn học

### 9.1. Hình thức, mục đích, tỉ trọng các bài kiểm tra đánh giá

Hình thức	Mục đích kiểm tra	Trọng số
Bài kiểm tra tiến độ số 1	Đánh giá khả năng của sinh viên ở kĩ năng Nghe	20%
Bài kiểm tra tiến độ số 2	Đánh giá khả năng của sinh viên ở kĩ năng Nói	10%
Chuyên cần/ hoàn thành bài tập	Khuyến khích tham tích cực học trên lớp và hoàn thành bài tập được giao	10%
Bài kiểm tra kết thúc học phần	Đánh giá khả năng của sinh viên ở kĩ năng Đọc – Viết.	60%

#### Chú ý:

- Điểm môn học quy về thang điểm 10. Có thể lấy điểm lẻ, làm tròn đến 1 số thập phân.  
Ví dụ: 7.3.
- Dạng thức của bài kiểm tra tiến độ và bài kiểm tra kết thúc học phần theo quy định của trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

### 9.2. Lịch thi, kiểm tra

STT	Hình thức kiểm tra, đánh giá	Thời gian
1	Bài kiểm tra tiến độ số 1	Tuần 6
2	Bài kiểm tra tiến độ số 2	Tuần 8
3	Chuyên cần	Trong suốt học kỳ
3	Bài kiểm tra kết thúc học phần	Từ 1-4 tuần sau khi kết thúc môn học

**Phụ Lục: Định dạng đề thi**

**1. Progress Test 1: Listening Section**

<b>Time</b>	20 minutes
<b>Number of questions</b>	3 parts 10 multiple choice questions (MCQs) 5 gap-fill questions
<b>Tasks</b>	Listen to announcement, short conversations, instructions, notices, long conversations and answer MCQs & gap-filling questions. Listen for detailed information, main ideas, speakers' opinion, and purposes.

**2. Progress Test 2: Speaking Section**

<b>Time</b>	6 minutes
<b>Number of questions</b>	2 parts: Social Interaction & Individual Long Turn
<b>Tasks</b>	Part 1: Introduction and questions on familiar topic areas such as work, study, hobbies, holidays. Part 2: 2-3-minute talk on a familiar topic with suggested bullet points. (Topics in Unit 1-5 in Speakout Pre-intermediate course book)

**3. Final Test**

	<b>Grammar &amp; Vocabulary</b>	<b>Reading</b>	<b>Writing</b>
<b>Time</b>	10 minutes	35 minutes	30 minutes
<b>Number of questions</b>	20 four-option multiple choice Questions	2 reading passages, 15 questions Reading Passage 1: 10 questions Reading Passage 2: 5 questions	2 parts: - Translation - Letter Writing
<b>Tasks</b>	Select from four words or phrases to complete 20 sentences with gaps.	Read 2 passages about various topics and answer questions: - Reading Passage 1: Multiple-choice cloze text (10 four-option multiple choice items) - Reading Passage 2: Matching (Five items in the form of descriptions of people to match to eight short adapted authentic texts)	- Translation: Question 1-3: English-Vietnamese translation (1-sentence text) Question 4-5: Vietnamese-English translation. (1-sentence text) - Write an informal letter about a given topic.